

## CHƯƠNG 9.

**Ardennes (Belgique).** Tôi hỏi Daniel: “Anh có nghĩ rằng trong đầu tôi có một sợi dây thần kinh đang bị lệch?” Anh gật đầu. Tự dưng, tôi thấy kinh ngạc khi nhìn cái gậy đầu của anh bao hàm xiết bao mối cảm thông.

Anh là vị trưởng ban tốt theo cái nghĩa của một tâm hồn nghệ sĩ thực sự. Sau khi qua cuộc tuyển với bốn người nhạc sĩ Âu Châu khác, chỉ tôi và một nhạc sĩ người Pháp gốc Đức là được chọn. Daniel sau đó đã nói cùng tôi: “Tôi sung sướng được làm việc với cô. Sự đau khổ của dân tộc cô khiến tôi thật lòng kính trọng và ngưỡng mộ. Tôi nghĩ, đó là một đặc ân không phải quốc gia nào cũng có được. Vốn liếng đau khổ ấy chính là giá trị làm nên lịch sử sáng ngời cho đất nước cô.”

Trên một điểm nào đó trong cái nhìn của người nghệ sĩ về cái Đẹp, Đông và Tây cũng đã gặp nhau.

□

### Hát Cầu Tre, thứ Hai 19/12/1977.

\*/ Hơn 150 năm trước, Miền Nam là phần đất đầu tiên phải thực sự đương đầu với mũi dùi xâm lược của thực dân; sĩ dân Miền Nam là những người thứ nhất được chứng kiến tận mắt cảnh quốc phá gia vong và sự bất lực khiếp nhược của triều đình Huế. + Họ cũng là những người tiên phong tự nổi dậy, phát cờ kháng chiến bằng đủ cách, từ lưỡi liềm, dao búa thô sơ, đến các khí cụ thường dùng hằng ngày; từ vũ khí mua hoặc cướp được của quân thù cho đến cả những câu vè, câu đối nói lên tinh thần ái quốc lan truyền trong lễ dân.

\*/ Đầu tháng 7 năm Canh Thân (1860) (Tự Đức 13), Vua phái Nguyễn Tri Phương và quan Tham tán Đại thần Phạm Thế Hiển vào Gia Định đắp dãy đại đồn Kỳ Hòa (người Pháp gọi là dãy đồn Chí Hòa).

\*/ Đồn mang hình chữ nhật, dài 3.000m, rộng 900m, nằm giữa hai làng Phú Thọ và Chí Hòa, dọc theo con rạch Nhiều Lộc, là vị trí chiến lược quan trọng, vừa chế ngự khu vực Pháp cường chiếm, vừa chia đôi thành phố Sài Gòn, chặn đứng không cho địch quân tìm đường tiếp tế từ đồng bằng sông Cửu Long.

+ Có làng Thuận Kiều làm căn cứ hậu cần, đại đồn Kỳ Hòa một mặt giữ được liên lạc hai trục giao thông Biên Hòa và Tây Ninh, một mặt bảo đảm nguồn tiếp vận quân nhu và nhân lực từ Mỹ Tho--Gò Công đưa đến.

\*/ Goi "đại đồn" vì ngoài đồn chính còn có 5 tiền đồn bao quanh, liên lạc nhau bằng những chiến hào địa đạo, tất cả tạo thành một hệ thống chiến lũy vô cùng kiên cố do Đại tướng Nguyễn Tri Phương kiến trúc xây dựng để chống nhau với quân của Đại tá Pháp d'Ariès.

\*/ Ngày 24/2 năm Tân Dậu (3 Avril 1861) (Tự Đức 14), quân Pháp do Đô đốc Charner cầm đầu, khởi sự tấn công đại đồn Kỳ Hòa.

\*/ Suốt hai ngày (từ khuya 24/2 đến ngày 25/2), địch sử dụng tối đa lực lượng cả bộ lẫn thủy binh, khai thác ưu thế kỹ thuật tối tân của pháo binh và chiến hạm (lúc ấy với người VN vẫn còn rất xa lạ).

\*/ Hai ngày ngắn ngủi nhưng đoạn đường chiến trận quân Pháp phải trải qua thật gian nan nguy hiểm (như lời Đô đốc Charner đã viết

trong bản phúc trình gửi về Bộ Hải Quân ở Paris: 12 tử thương trong có Trung tá Hải quân Testard; 225 người bị loại ra khỏi vòng chiến trong có Thiếu tướng Pháp Vassoigne và Đại tá Tây Ban Nha Palanca Gutierrez.)

\*/ Phía VN, phải đương đầu với một lực lượng hùng mạnh như quân đội Pháp lúc bấy giờ, dân chúng Việt tuy vũ khí lạc hậu nhưng cũng đã anh dũng chiến đấu tận sức tận lực mới đành bỏ cuộc.

\*/ Tổn thất về phía ta, theo sử liệu: 1000 binh sĩ và võ quan (trong số có Tán lý Nguyễn Duy --em trai Nguyễn Tri Phương-- và Tán tướng Tôn Thất Chí) tử trận. + Đại tướng Nguyễn Tri Phương bị thương ở tay, cùng với Phó tướng Phạm Thế Hiển kéo tàn quân rút về Biên Hòa.

\*/ Đại đồn Kỳ Hòa thất thủ, kéo theo Mỹ Tho, Biên Hòa và lần lượt các phần đất Miền Nam cũng thất thủ luôn.

\*

\*\*

Đoàn hát ở Cầu Tre, trạm cuối cùng trong thành phố trước khi mở đầu cuộc lưu diễn dài Miền Tây.

Địa danh Cầu Tre thuộc quận 6, phía tây thành phố Hồ Chí Minh, cách Sài Gòn khoảng 15 cây số về hướng Phú Lâm. Vậy mà so với Sài Gòn, Cầu Tre lại thật vô cùng khác biệt. Nơi đây, sau biến cố tháng 4/1975, nhà cửa xiêu vẹo, cái còn cái mất. Dân chúng trông lam lũ chật vật. Đường xá nhiều ổ gà, bần thiu. Và trước khi đến rạp, phải băng qua một cây cầu gỗ từ đường cái dẫn vào; anh em đoàn thường đọc giễu “Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi!”

Mỗi lần hát ở đây, đêm khuya về, cả đám chúng tôi đều e sợ khi phải băng ngang qua khu Minh Phụng, nghĩa địa Phú Thọ nổi tiếng với nhiều vụ giết người, cướp của. Dầu vậy, dân đi xem hát thật đông. Chỉ điều này mới làm khích lệ anh em đoàn khi tin chắc rằng rồi sẽ được lãnh đêm lương!

Tội nghiệp chúng tôi, những con người thương vay khóc mướn; mà cũng tội nghiệp cho tất cả những người dân Việt Nam từ sau cuộc đổi đời quan trọng. Kể từ tháng 5/1975, gần như các môn giải trí trong Miền Nam đều ngưng hoạt động. Sách báo chế độ cũ bị tịch thu; thay vào đó là các loại sách báo khô khan đầy tính tuyên truyền cho xã hội chủ nghĩa. Tất cả vũ trường phải đóng cửa. Các hàng quán lịch sự đều bị quốc doanh hóa. Các rạp hát chỉ cho chiếu toàn những phim của thể giới bên kia bức màn sắt còn rất xa lạ với dân chúng Miền Nam.

Tuy nhiên, các quán *café* và quán rượu lẻ đường lại mọc lên như nấm. Cái hiện tượng “quán cóc” và “dân ngồi quán cóc” lan tràn khắp xứ. Chỉ cần 25 xu tiền mới cho một ly cà-phê “xây chùng” là có thể tiêu được một buổi tối vô vị. Chỉ cần một xị rượu thuốc 50 xu với một đĩa đậu phộng khiêm nhường 10 xu là cũng có thể lãng quên được mọi nỗi đau khổ chung quanh.

Ngoài ra, không chỉ *café* hay rượu mà còn luôn bè bạn. Điều này mới thật là quý trong một xã hội thiếu thốn đủ mọi thứ vật chất. Thật vậy, trong các phần đất của quê hương nghèo khổ, cái gì cũng thiếu, nhưng tình người thì không bao giờ thiếu. Nhất là tình bạn. Nhu cầu bạn hữu vượt cao hơn mọi nhu cầu khác trong đời sống. Người ta dễ dàng mời nhau một ly cà-phê “xây chùng” từ lúc không quen để rồi trở thành bạn thân ngay sau đó. Người ta gặp nhau hằng ngày không biết chán chỉ để nói cho nhau nghe tất cả mọi nỗi niềm thống khổ

đang đè ập trên xã hội chung; những điều thật khó mà thổ lộ với các người thân vì không muốn họ cùng lo lắng hay đau khổ.

Thứ tiêu khiển thứ hai sau các quán cóc của dân Miền Nam là đi xem hát Cải Lương. Với điều này thì dù thành thị hay thôn quê, đâu cũng đều giống nhau ở mức độ thưởng thức. Người ta có thể đứng nối đuôi nhau hàng giờ để chỉ chờ cánh cửa sổ nhỏ xíu nơi ghi-sê phòng vé mở ra; có thể chen lấn, xô đẩy nhau đến rách cả áo để giành mua một cái vé trong số rất giới hạn những vé được bán. Số còn lại tất nhiên là chui vào tay giới "chợ đen".

Nạn "chợ đen" cũng là một hiện tượng gần gũi trong xã hội hiện tại. "Chợ đen" trở nên là một cái "nghề" kiếm ra nhiều tiền cho một số đông người. "Chợ đen" trong đủ mọi môi trường, mọi giới. Riêng môi trường ca hát thì so với các ngành nghề khác, tính theo tỷ lệ, hiện tượng này cao đến 90 phần trăm.

Trong đoàn hát, tổ Phòng Vé vẫn được chúng tôi gọi là tổ "giàu" nhất. Tuy nhiên, không chỉ riêng tổ Phòng Vé mà còn có đến hơn hai phần ba nhân viên đoàn tham dự vào cái nạn "chợ đen". Mỗi người, từ ban quản trị trở xuống, đều được quyền mua hai vé mỗi đêm theo giá chính thức. Đa số các vé loại này tức tốc được các tay đầu nậu vé mua ngay với giá cao hơn, nhiều hay ít là tùy theo tuồng, rạp và đêm hát. Hôm sau, vé được sang tay cho khán giả với giá gấp ba hay bốn lần đã mua của nhân viên đoàn hát.

Rốt lại, chỉ có khán giả là đáng tội nghiệp hơn hết mỗi lần muốn thưởng thức nghệ thuật Cải Lương!

[]